



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349
Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Đ/c PTN: Liên kế 16.31 khu đô thị Himode Royal Park Kim Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
Tel: 0936.175.507 Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 11098/2024/PKQ/24.5146

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG
Địa điểm quan trắc : Bệnh viện nhi trung ương - 18/879 La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội
Vị trí lấy mẫu :
- NT.061224-007- Mẫu nước thải trước xử lý tại hệ thống xử lý nước thải số 2 công suất 750 m³/ngày đêm, tọa độ VD=21.025434, KD=105.808480 (NT1)
- NT.061224-008- Mẫu nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải số 2 công suất 750 m³/ngày đêm, tọa độ VD=21.025384, KD=105.808574 (NT2)
- NT.061224-009- Mẫu nước thải trước xử lý tại hệ thống xử lý nước thải số 1 công suất 760 m³/ngày đêm, tọa độ VD=21.023839, KD=105.807016 (NT3)
- NT.061224-010- Mẫu nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải số 1 công suất 760 m³/ngày đêm, tọa độ VD=21.023737, KD=105.807001 (NT4)
- NT.061224-011- Mẫu nước thải tại điểm xả cuối, tọa độ VD=21.023349, KD=105.806999 (NT5)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước thải
Ngày lấy mẫu : 06/12/2024
Số lượng mẫu: 05
Ngày hoàn thành thử nghiệm: 24/12/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả					QCVN 28:2010/ BTNMT
				NT1	NT2	NT3	NT4	NT5	
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	6,9	7,1	6,92	7,1	7,15	Cột B 6,5 – 8,5
2	Dầu mỡ động, thực vật ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	8,2	2,8	4,5	1,9	2,1	20
3	Salmonella ^(*)	Vi khuẩn/ 100 ml	TCVN 9717:2013	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH

1. (-) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimercts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lại kết quả thí nghiệm có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phấn kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy vế.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
Trang 1/3

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả					QCVN 28:2010/ BTNMT
				NT1	NT2	NT3	NT4	NT5	
4	Shigella ^(*)	Vi khuẩn/ 100 ml	SMEWW 9260E:2017	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
5	Vibrio cholerae ^(*)	Vi khuẩn/ 100 ml	SMEWW 9260H:2017	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
6	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha^{(*)}$	Bq/L	TCVN 6053:2011	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	0,1
7	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta^{(*)}$	Bq/L	TCVN 6219:2011	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	1,0
8	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	167,1	13,1	112,3	7,9	9,2	50
9	COD ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	278,4	32,6	187	19,8	23	100
10	TSS ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	71,2	54,3	62,1	21,4	28,9	100
11	Amoni (tính theo N) ^(b)	mg/L	TCVN 5988:1995	88,2	2,8	40,6	1,4	1,2	10
12	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P) ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	7,3	3,95	0,22	0,12	0,27	10
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ :E:2023	0,12	8,11	0,28	7,77	6,89	50
14	Sulfua (H ₂ S) ^(b)	mg/L	TCVN 6637:2000	0,87	0,38	0,52	0,05	0,03	4
15	Tổng Coliforms ^(b)	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	94.000	3.400	6.300	910	1.500	5.000

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

+ Chỉ tiêu Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae được thực hiện bởi Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Vincerts 121

+ Chỉ tiêu Tổng hoạt độ phóng xạ α , Tổng hoạt độ phóng xạ β được thực hiện bởi Công ty Cổ phần Dầu tư Công nghệ và Môi trường CEC - Vincerts 230

Quy chuẩn so sánh: QCVN 28:2010/BTNMT; Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Nước thải Y tế

Cột B: Giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước không được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

T.M. PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Duyên

CÁN BỘ QA/QC

Hoàng Thị Kim Anh



Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2024

Ths. Đỗ Thị Duyên

1. (*) Không quy định

3. Các chỉ tiêu ^(b) tính đầu (b) được công nhận Vincerts

5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ

7. Phấn kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vlas

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội

6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm

8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.